

Số: 1236/YCBG-BVBT

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 5 năm 2026

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua sắm Máy theo dõi bệnh nhân với nội dung như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận.

2. Thông tin liên hệ tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư thiết bị y tế.

Người tiếp nhận: Trần Hà Thị Hạnh, số điện thoại: 0252.3.939.169.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Đường Tôn Thất Bách, phường Bình Thuận, tỉnh Lâm Đồng.

- Nhận qua email: vtytbvbt@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày thông báo đến hết ngày 07/6/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 07/6/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế

TT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	Đơn vị tính
1	Máy theo dõi bệnh nhân	Mô tả cụ thể tại trong Bảng mô tả đính kèm theo	01	Máy

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Thuận.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

* Lưu ý: Báo giá phải gửi kèm Bảng so sánh đáp ứng tính năng, thông số kỹ thuật và quý công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác của bảng so sánh.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website bệnh viện;
- Phòng TCKT (trang mua sắm công);
- Lưu: VT, VTTBYT.

TM. HỘI ĐỒNG MUA SẮM
CHỦ TỊCH

Phó Giám đốc
Trần Hồng Vũ

BẢNG MÔ TẢ CÁC TÍNH NĂNG, YÊU CẦU KỸ THUẬT CƠ BẢN

(Kèm theo Yêu cầu báo giá số: 1236 /YCBG-BVBT ngày 27/5/2026

của Bệnh viện Đa khoa Bình Thuận)

MÁY THEO DÕI BỆNH NHÂN

I. Yêu cầu cấu hình

- Chất lượng mới 100%, sản xuất năm 2025 trở về sau.
- Bảo hành: tối thiểu 12 tháng.
- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
- Xuất xứ: Nhóm nước G7 hoặc ASEAN

II. Cấu hình cung cấp:

- Máy chính và máy in nhiệt lắp trong: 01 bộ
- Cáp đo điện tim 3 dây: 01 chiếc
- Bao đo huyết áp không xâm nhập (NIBP) cho người lớn sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
- Cáp đo SpO2 cho người lớn và trẻ em sử dụng nhiều lần: 01 bộ
- Đầu đo nhiệt độ da sử dụng nhiều lần: 01 chiếc
- Ấc quy theo máy: 01 chiếc
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ

III. Các tính năng và thông số kỹ thuật:

1. Tính năng chung

- Có thể kết nối mạng và tạo thành hệ thống với máy trung tâm theo dõi, HIS, EMR
- Có chức năng kết nối giữa các máy với nhau

2. Hiện thị

- Màn hình màu, cảm ứng, loại TFT LCD.
- Kích thước màn hình ≥ 10 inches, độ phân giải $\geq 800 \times 600$ điểm ảnh
- Hiện thị sóng: ECG, nhịp thở, sóng xung SpO2, IBP....
- Số vết sóng tối đa: ≥ 6 vết
- Hiện thị số: nhịp tim, VPC, ST, nhịp thở, NIBP, SpO2, nhịp xung, nhiệt độ, ...

3. Chức năng báo động

- Mục báo động tín hiệu sóng: nhịp tim, nhịp xung, mức chênh ST, nhịp thở, ngừng thở, nhiệt độ, SpO2, NIBP,....
- Báo động loạn nhịp: Asystole, VF, VT, VPC...
- Chỉ thị báo động: Đèn chỉ thị, âm thanh báo động và đánh dấu tin nhắn
- Có thể ngưng báo động trong vòng 1, 2, 3 phút
- Khả năng lưu lịch sử báo động: ≥ 120 giờ.

4. Máy in

- Số kênh in: ≥ 3 kênh
- Mật độ dòng: 8 dots/mm
- Tốc độ giấy: tối thiểu 3 mức.

5. Ấc quy

Ấc quy lắp trong máy, thời gian hoạt động ≥ 6 giờ.

Các thông số đo:

ECG

Số lượng điện cực: ≥ 3

Dải động đầu vào: $\leq -5\text{mV} - \geq \pm 5\text{mV}$

Nhiều nội bộ: $\leq 30\mu\text{Vp-p}$

Nhịp tim

Phương pháp đo: trung bình chuyển động

Dải đo: khoảng ≤ 15 đến ≥ 300 nhịp/phút

Phân tích loạn nhịp

Phương pháp phân tích: phương pháp kết hợp đa mẫu

Tỷ lệ đếm VPC: từ 0 đến $\geq 99\text{VPC/phút}$

Mức chênh ST

Số kênh: ≥ 1

Dải đo mức chênh ST: $\leq -2.5\text{mV} - \geq +2.5\text{mV}$

Nhịp thở

Phương pháp đo: trở kháng.

Dải đo: trong khoảng 0 - ≥ 150 nhịp/phút

SpO2:

Dải đo: khoảng 0-100%

Dải hiển thị: khoảng ≥ 70 đến $\leq 100\%$

Nhiệt độ

Dải đo: khoảng $0^\circ\text{C} - \geq 45^\circ\text{C} \pm \leq 0.3^\circ\text{C}$

Độ xê dịch: không quá $\pm 0.005^\circ\text{C}/^\circ\text{C}$

Huyết áp không xâm nhập (NIBP)

Phương pháp đo: dao động kế

Dải đo: khoảng 0 - ≥ 300 mmHg $\pm < 3\text{mmH}$